

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-29
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13-29

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008, số 233/UBCK-GP ngày 27/04/2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 19/05/2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16/08/2011, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2014 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 21/UBCK-GPLK ngày 16/05/2008, Quyết định số 830/QĐ-UBCK ngày 30/10/2014, Quyết định số 212/QĐ-UBCK ngày 09/03/2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sơn	Ủy viên
Bà Lê Kim Chi	Ủy viên
Ông Lê Chí Phúc	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đặng Đức Thiện	Trưởng ban
--------------------	------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



Số: 816 /2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank được lập ngày 08 tháng 04 năm 2015, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Vũ Xuân Biền

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HÃNG KIỂM TOÁN
AASC
C. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

C
P
3
II
I

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		252.862.830.290	222.258.852.018
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	159.392.499.444	100.146.078.247
111	1. Tiền		107.436.162.304	93.933.678.247
112	2. Các khoản tương đương tiền		51.956.337.140	6.212.400.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	19.700.000.000	14.700.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		19.700.000.000	14.700.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	73.156.054.307	107.109.215.188
131	1. Phải thu của khách hàng		3.105.584.731	2.235.233.472
132	2. Trả trước cho người bán		15.969.218	90.000
138	5. Các khoản phải thu khác		70.034.500.358	104.873.891.716
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		614.276.539	303.558.583
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	518.178.585	214.044.879
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	20.313.409	12.115.660
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	75.784.545	77.398.044
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.259.472.980	3.890.801.723
220	II. Tài sản cố định		2.787.275.396	1.454.454.271
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.293.792.020	892.327.089
222	- Nguyên giá		10.165.902.194	9.120.216.921
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.872.110.174)	(8.227.889.832)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	393.483.376	462.127.182
228	- Nguyên giá		4.708.946.430	4.708.946.430
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.315.463.054)	(4.246.819.248)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	100.000.000	100.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.472.197.584	2.436.347.452
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	272.392.941	310.579.880
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	2.628.723.043	1.554.685.972
268	4. Tài sản dài hạn khác		571.081.600	571.081.600
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		259.122.303.270	226.149.653.741

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		89.343.445.458	99.846.686.245
310	I. Nợ ngắn hạn		89.343.445.458	99.846.686.245
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	600.099.912	-
312	2. Phải trả người bán		15.029.190	27.386.039
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.782.189.372	107.161.896
315	5. Phải trả người lao động		-	300.836.823
316	6. Chi phí phải trả	17	624.563.986	905.967.916
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	86.321.562.998	98.505.333.571
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		169.778.857.812	126.302.967.496
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	169.778.857.812	126.302.967.496
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		187.000.000.000	161.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(17.221.142.188)	(34.697.032.504)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		259.122.303.270	226.149.653.741

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	31/03/2015	01/01/2015
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý	902.409.401	902.409.401
006	6. Chứng khoán lưu ký	2.565.355.830.000	2.717.161.900.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	1.587.034.250.000	1.752.922.290.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	1.587.034.250.000	1.752.922.290.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	-	1.156.110.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	-	1.156.110.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố	954.181.470.000	954.181.470.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	954.181.470.000	954.181.470.000
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ	12.432.680.000	-
024	- Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	12.432.680.000	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	11.702.430.000	8.886.200.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	11.702.430.000	8.886.200.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	5.000.000	15.830.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	5.000.000	15.830.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	42.099.280.000	45.052.340.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch	42.049.280.000	45.032.340.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	42.049.280.000	45.032.340.000
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	50.000.000	20.000.000
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	50.000.000	20.000.000



Nguyễn Thanh Minh
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Thủy
TP. Tài chính - Kế toán



Phan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 31/03/2015	đến 31/03/2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu	20	20.701.603.805	7.337.379.120
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		568.104.739	4.207.698.579
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		18.600.000.000	-
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		316.443.954	375.751.915
01.9	Doanh thu khác		1.217.055.112	2.753.928.626
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	20	20.701.603.805	7.337.379.120
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	1.549.205.228	3.136.811.367
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		19.152.398.577	4.200.567.753
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	2.038.843.266	2.610.247.791
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.113.555.311	1.590.319.962
31	8. Thu nhập khác		373.764.876	912
32	9. Chi phí khác		11.429.871	2.123
40	10. Lợi nhuận khác		362.335.005	(1.211)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.475.890.316	1.590.318.751
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		17.475.890.316	1.590.318.751
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	1.072	99

Nguyễn Thanh Minh
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy
TP. Tài chính - Kế toán



Phan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 31/03/2015	đến 31/03/2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		17.475.890.316	1.590.318.751
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		273.004.198	512.807.210
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.509.277.222)	(2.388.163.799)
06	- Chi phí lãi vay		107.588.490	13.540.666
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		16.347.205.782	(271.497.172)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		32.831.363.315	(18.080.606.393)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(11.209.590.699)	37.234.777.020
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(265.946.767)	(67.817.044)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(1.338.490)	(13.540.666)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		30.000.000	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		37.731.693.141	18.801.315.745
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.611.007.273)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		409.640.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(16.000.000.000)	(6.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		11.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.115.995.417	2.153.761.454
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.085.371.856)	(4.346.238.546)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		26.000.000.000	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.751.345.151	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.151.245.239)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		26.600.099.912	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		59.246.421.197	14.455.077.199

05
 S.TY
 M.H
 T.M
 S
 M



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 31/03/2015	đến 31/03/2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		100.146.078.247	50.913.186.326
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	159.392.499.444	65.368.263.525

Nguyễn Thanh Minh
Người lậpNguyễn Thị Thanh Thủy
TP. Tài chính - Kế toánPhan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2015



12/2 H. 02.1.11

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU


Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015

Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Thuyết minh	01/01/2015 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	31/03/2015 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161.000.000.000	26.000.000.000	-	187.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(34.697.032.504)	17.475.890.316	-	(17.221.142.188)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	126.302.967.496	43.475.890.316	-	169.778.857.812

Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014	Thuyết minh	01/01/2014 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	31/03/2014 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161.000.000.000	-	-	161.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(40.553.069.995)	1.590.318.751	-	(38.962.751.244)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	120.446.930.005	1.590.318.751	-	122.037.248.756



Nguyễn Thanh Minh
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Thủy
TP. Tài chính - Kế toán




Phan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2015

12
01
:C
:A
07

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008, số 233/UBCK-GP ngày 27/04/2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 19/05/2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16/08/2011, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2014 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 21/UBCK-GPLK ngày 16/05/2008, Quyết định số 830/QĐ-UBCK ngày 30/10/2014, Quyết định số 212/QĐ-UBCK ngày 09/03/2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 là 187.000.000.000 đồng; tương đương 18.700.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08 năm
- Phần mềm giao dịch, kế toán	05 năm

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc không phải là tài sản ngắn hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

2.8 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.12 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

2.13 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.14 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của người đầu tư	23.827.216	344.489.704.700
- Cổ phiếu	23.827.216	344.489.704.700
	<u>23.827.216</u>	<u>344.489.704.700</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	89.787.000	21.072.000
Tiền gửi ngân hàng	26.059.154.754	408.076.870
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	81.287.220.550	93.504.529.377
Các khoản tương đương tiền	51.956.337.140	6.212.400.000
	<u>159.392.499.444</u>	<u>100.146.078.247</u>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, các khoản tương đương tiền có giá trị 51.956.337.140 VND là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,0%/năm.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	19.700.000.000	14.700.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	2.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	17.700.000.000	2.700.000.000
	<u>19.700.000.000</u>	<u>14.700.000.000</u>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, các khoản đầu tư ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội với lãi suất từ 4,8%/năm đến 7,4%/năm.

HỌ TÊN
 CHỨC VỤ
 TOA Đ
 HỌ TÊN
 CHỨC VỤ
 TOA Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	01/01/2015		Số phát sinh trong kỳ		31/03/2015		Tổng số dự phòng đã lập VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	
Phải thu của khách hàng	2.235.233.472	-	70.716.993.992	69.846.642.733	3.105.584.731	-	-
- Phải thu phí quản lý tài sản	9.696.093	-	9.366.518	9.696.093	9.366.518	-	-
- Phải thu nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	1.410.270.147	-	49.522.547.510	48.428.149.417	2.504.668.240	-	-
- Phải thu phí lưu ký chứng khoán	815.267.232	-	315.439.964	539.157.223	591.549.973	-	-
- Phải thu các hoạt động khác	-	-	20.869.640.000	20.869.640.000	-	-	-
Trả trước cho người bán	90.000	-	1.170.967.781	1.155.088.563	15.969.218	-	-
- Công ty TNHH NN MTV kinh doanh dịch vụ Nhà Hà Nội	-	-	572.692.486	556.723.268	15.969.218	-	-
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	90.000	-	598.275.295	598.365.295	-	-	-
Các khoản phải thu khác	104.873.891.716	-	36.913.815.223	71.753.206.581	70.034.500.358	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh ⁽¹⁾	99.200.000.000	-	-	37.200.000.000	62.000.000.000	-	-
- Phải thu hợp đồng margin	5.254.544.646	-	36.115.011.412	33.745.450.618	7.624.105.440	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	415.477.418	-	781.789.080	791.338.578	405.927.920	-	-
- Phải thu sản phẩm hợp tác TPBank ⁽²⁾	3.869.652	-	14.603.731	14.906.385	3.566.998	-	-
- Phải thu khác	-	-	2.411.000	1.511.000	900.000	-	-
	107.109.215.188	-	108.801.776.996	142.754.937.877	73.156.054.307	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

(1) Số dư phản ánh khoản tiền hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank với các đối tác để đầu tư kinh doanh chứng khoán. Trường hợp hợp tác kinh doanh có lãi, lợi nhuận được chia đều cho 02 (hai) bên. Trường hợp hợp tác kinh doanh lỗ hoặc hòa vốn, bên đối tác hợp tác kinh doanh phải thanh toán cho Công ty toàn bộ số tiền vốn góp và chịu mọi tổn thất có thể phát sinh. Số dư bao gồm:

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ông Phạm Khánh Duy	-	19.200.000.000
Bà Phạm Thị Lê	30.000.000.000	40.000.000.000
Bà Sầm Thị Hương	32.000.000.000	40.000.000.000
	62.000.000.000	99.200.000.000

(2) Số dư phản ánh khoản lãi phải thu của nhà đầu tư từ hợp đồng hợp tác cho vay đầu tư chứng khoán giữa Ngân hàng Tiên Phong, Công ty và nhà đầu tư, trong đó Công ty chứng khoán đứng vai trò trung gian kiểm soát tài sản đảm bảo của nhà đầu tư không được sụt giảm dưới mức cho phép.

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.031.665	7.154.086
Chi phí thuê văn phòng	102.424.240	102.424.240
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	411.722.680	104.466.553
	518.178.585	214.044.879

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	20.313.409	12.115.660
	20.313.409	12.115.660

9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	43.632.501	15.246.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	32.152.044	32.152.044
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	30.000.000
	75.784.545	77.398.044

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tài, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2015	565.322.000	8.554.894.921	9.120.216.921
Mua sắm	1.611.007.273	-	1.611.007.273
Thanh lý, nhượng bán	(565.322.000)	-	(565.322.000)
Tại ngày 31/03/2015	1.611.007.273	8.554.894.921	10.165.902.194
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2015	560.140.051	7.667.749.781	8.227.889.832
Trích khấu hao	26.850.122	177.510.270	204.360.392
Thanh lý, nhượng bán	(560.140.050)	-	(560.140.050)
Tại ngày 31/03/2015	26.850.123	7.845.260.051	7.872.110.174
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2015	5.181.949	887.145.140	892.327.089
Tại ngày 31/03/2015	1.584.157.150	709.634.870	2.293.792.020

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.445.448.666 đồng

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Trong kỳ, toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán, phần mềm giao dịch với tổng nguyên giá là 4.708.946.430 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/03/2015 là 4.315.463.054 đồng, trong đó chi phí khấu hao trong kỳ là 68.643.806 đồng.

12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Mua sắm tài sản cố định	100.000.000	100.000.000
Phần mềm BankGateway	100.000.000	100.000.000
	100.000.000	100.000.000

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	145.602.567	192.926.359
Chi phí trả trước dài hạn khác	126.790.374	117.653.521
	272.392.941	310.579.880

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.213.423.163	1.225.856.084
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	295.299.880	208.829.888
Số dư cuối kỳ	2.628.723.043	1.554.685.972

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	01/01/2015	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	31/03/2015
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	2.751.345.151	(2.151.245.239)	600.099.912
Vay ngân hàng	-	2.751.345.151	(2.151.245.239)	600.099.912
	-	2.751.345.151	(2.151.245.239)	600.099.912

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	600.099.912	-
	600.099.912	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 03-02.14/HĐTC/TPB/MDH-NVS ngày 30/12/2013 và các Phụ lục: cấp hạn mức bổ sung, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Giá trị hạn mức thấu chi: 15.000.000.000 VND;
- + Mục đích cấp tín dụng: bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn sử dụng của hạn mức thấu chi: đến ngày 31/12/2015;
- + Lãi suất thấu chi: được quy định tại từng thời kỳ theo thông báo của ngân hàng. Lãi suất trong kỳ 01/01/2015 đến 31/03/2015 là 5,6%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm: khoản vay thấu chi được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.673.557.230	39.645.946
Thuế Thu nhập cá nhân	108.632.142	67.515.950
	1.782.189.372	107.161.896

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí lãi phải trả của hợp đồng môi giới mua chứng khoán	287.111.111	180.861.111
Chi phí phải trả các Sở giao dịch chứng khoán	176.565.661	591.304.112
Trích trước chi phí điện nước	26.902.766	20.299.838
Chi phí phải trả khác	133.984.448	113.502.855
	624.563.986	905.967.916

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	26.676.000	-
Bảo hiểm y tế	4.792.500	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.052.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	81.287.220.550	93.504.529.377
Phải trả Ngân hàng TMCP Quốc Dân khoản nhận đặt cọc theo Hợp đồng môi giới mua chứng khoán	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	821.948	804.194
	86.321.562.998	98.505.333.571

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014			
Tại ngày 01/01/2014	161.000.000.000	(40.553.069.995)	120.446.930.005
Lãi trong kỳ	-	1.590.318.751	1.590.318.751
Tại ngày 31/03/2014	161.000.000.000	(38.962.751.244)	122.037.248.756
Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015			
Tại ngày 01/01/2015	161.000.000.000	(34.697.032.504)	126.302.967.496
Tăng vốn (*)	26.000.000.000	-	26.000.000.000
Lãi trong kỳ	-	17.475.890.316	17.475.890.316
Tại ngày 31/03/2015	187.000.000.000	(17.221.142.188)	169.778.857.812

(*) Căn cứ trên Quyết định số 03/2014/NVS/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 09/12/2014 của Đại hội đồng cổ đông, Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ số 16/2014/NVS/CV-CTHĐQT gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 23/12/2014, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ theo hình thức chào bán cổ phần riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu với số lượng cổ phần chào bán là 2.600.000 cổ phần, giá phát hành 10.000 đồng/cổ phần, tương đương quy mô vốn tăng là 26 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/03/2015	Tỷ lệ	01/01/2015
	(%)	VND	(%)	VND
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	9,47%	17.700.000.000	10,99%	17.700.000.000
Nguyễn Sơn (*)	45,11%	84.350.000.000	36,24%	58.350.000.000
Quách Thị Nga	22,89%	42.800.000.000	26,58%	42.800.000.000
Phạm Thị Yến	22,53%	42.150.000.000	26,19%	42.150.000.000
	100%	187.000.000.000	100%	161.000.000.000

(*) Ông Nguyễn Sơn thực hiện đặt mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty căn cứ theo Hợp đồng đặt mua cổ phiếu số 01/2014/NVS/NĐ-ĐMCP ngày 18/12/2014 với tổng số lượng cổ phiếu đặt mua là 2.600.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tương đương tổng giá trị đặt mua là 26.000.000.000 đồng.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	187.000.000.000	161.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	161.000.000.000	161.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	26.000.000.000	-
- Vốn góp cuối kỳ	187.000.000.000	161.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/03/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.700.000	16.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.700.000	16.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.700.000	16.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.700.000	16.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.700.000	16.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

20 . DOANH THU

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
	VND	VND
Doanh thu	20.701.603.805	7.337.379.120
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	568.104.739	4.207.698.579
- Doanh thu hoạt động tư vấn	18.600.000.000	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	316.443.954	375.751.915
- Doanh thu khác	1.217.055.112	2.753.928.626
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	20.701.603.805	7.337.379.120

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

21 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	103.225.478	794.899.156
Chi phí hoạt động tư vấn	210.000.000	-
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	331.947.412	426.527.631
Chi phí khác	329.451.940	408.331.375
Chi phí trực tiếp chung	574.580.398	1.507.053.205
	1.549.205.228	3.136.811.367

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.059.144.989	1.046.273.692
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	39.048.039	75.768.202
Chi phí khấu hao tài sản cố định	207.883.610	314.019.487
Thuế, phí và lệ phí	17.350.947	48.236.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	701.661.058	1.055.684.903
Chi phí khác bằng tiền	13.754.623	70.264.897
	2.038.843.266	2.610.247.791

23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.475.890.316	1.590.318.751
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(24.195.838.224)	(30.126.125.715)
- Chuyển lỗ các năm trước	(24.195.838.224)	(30.126.125.715)
Tổng thu nhập tính thuế	(6.719.947.908)	(28.535.806.964)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	17.475.890.316	1.590.318.751
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	17.475.890.316	1.590.318.751
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	16.304.494	16.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.072	99

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/03/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	159.392.499.444	-	100.146.078.247	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	73.140.085.089	-	107.109.125.188	-
Các khoản cho vay	19.700.000.000	-	14.700.000.000	-
	252.232.584.533	-	221.955.203.435	-

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Vay và nợ	600.099.912	-
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	86.336.592.188	98.532.719.610
Chi phí phải trả	624.563.986	905.967.916
	87.561.256.086	99.438.687.526

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/03/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	159.392.499.444	-	-	159.392.499.444
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	73.140.085.089	-	-	73.140.085.089
Các khoản cho vay	19.700.000.000	-	-	19.700.000.000
	252.232.584.533	-	-	252.232.584.533
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.146.078.247	-	-	100.146.078.247
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	107.109.125.188	-	-	107.109.125.188
Các khoản cho vay	14.700.000.000	-	-	14.700.000.000
	221.955.203.435	-	-	221.955.203.435

TIT
TNG
HIEM
KIEM
AS
M

10/04/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2015				
Vay và nợ	600.099.912	-	-	600.099.912
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	86.336.592.188	-	-	86.336.592.188
Chi phí phải trả	624.563.986	-	-	624.563.986
	87.561.256.086	-	-	87.561.256.086
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	98.532.719.610	-	-	98.532.719.610
Chi phí phải trả	905.967.916	-	-	905.967.916
	99.438.687.526	-	-	99.438.687.526

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẪM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	81.287.220.550	93.504.529.377
	81.287.220.550	93.504.529.377

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN
Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký	Kinh doanh nguồn vốn	Hoạt động tư vấn	Tổng cộng các bộ phần	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	884.548.693	1.217.055.112	18.600.000.000	20.701.603.805	20.701.603.805
Chi phí bộ phận trực tiếp	435.172.890	329.451.940	210.000.000	974.624.830	974.624.830
Chi phí không phân bổ	-	-	-	574.580.398	574.580.398
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	449.375.803	887.603.172	18.390.000.000	19.152.398.577	19.152.398.577
Tài sản bộ phận trực tiếp	84.516.860.084	143.785.110.820	-	228.301.970.904	228.301.970.904
Tài sản không phân bổ	-	-	-	30.820.332.366	30.820.332.366
Tổng tài sản	84.516.860.084	143.785.110.820	-	259.122.303.270	259.122.303.270
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	81.287.220.550	5.000.000.000	-	86.287.220.550	86.287.220.550
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	3.056.224.908	3.056.224.908
Tổng nợ phải trả	81.287.220.550	5.000.000.000	-	89.343.445.458	89.343.445.458

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
		VND	VND
Doanh thu lãi tiền gửi			
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Cổ đông góp vốn	19.174.104	184.358.570
Chi phí lãi vay phải trả			
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Cổ đông góp vốn	106.250.000	9.180.531

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/03/2015	01/01/2015
		VND	VND
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn			
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Cổ đông góp vốn	-	3.200.000.000
Phải thu			
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Cổ đông góp vốn	-	5.123.333
Phải trả			
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Cổ đông góp vốn	5.000.000.000	5.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	247.452.000	475.600.000

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014.



Nguyễn Thanh Minh
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Thủy
TP. Tài chính - Kế toán



Phan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2015